

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM**  
Số: 011/EBHU/2023

**I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm**

Tên tổ chức, cá nhân: CÔNG TY CỔ PHẦN ESPACE BUSINESS HUẾ

Địa chỉ: Tầng 2 – Tòa nhà Phong Phú Plaza, Khu Quy Hoạch - Đồng Đa- Hùng Vương- Bà Triệu, P. Phú Hội, TP. Huế, T. Thừa Thiên Huế, Việt Nam

Điện thoại: 0234 3610555

Mã số doanh nghiệp: 3300854978

**II. Thông tin về sản phẩm**

1. Tên sản phẩm: **BÁNH TRUNG THU DỪA TRỨNG MUỐI**

2. Thành phần:

Nhân bánh: nhân bánh (cơm dừa, đường cát, mạch nha, dầu thực vật, bột mì, bột nếp, hương liệu tổng hợp (dừa, vani), chất bảo quản 202), trứng muối.

Vỏ bánh: bột mì, nước đường, chất chống oxy hóa 330, chất ổn định 501(i), dầu thực vật, lòng đỏ trứng gà, bơ đậu phộng, chất tạo xốp 550(ii).

Trong đó cơm dừa 36%; trứng muối 8%.

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 10 ngày kể từ ngày sản xuất.

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

- Quy cách đóng gói: Khối lượng tịnh: 200 g, 400 g (2 cái x 200 g), 800 g (4 cái x 200 g) hoặc khối lượng khác theo nhu cầu khách hàng.
- Chất liệu bao bì:
  - Khối lượng tịnh 200 g: Sản phẩm để vào khay nhựa được đóng gói trong túi nhựa, chứa trong hộp giấy nhỏ.
  - Khối lượng tịnh 400 g (2 cái x 200 g): Sản phẩm để vào khay nhựa được đóng gói trong túi nhựa, chứa trong hộp giấy nhỏ, bên ngoài là hộp giấy trung.
  - Khối lượng tịnh 800 g (4 cái x 200 g): Sản phẩm để vào khay nhựa được đóng gói trong túi nhựa, chứa trong hộp giấy nhỏ, bên ngoài là hộp giấy lớn.

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:

| Mã số | Tên                                 | Địa chỉ                                                                                                                           | Số giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP                |
|-------|-------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------|
| 109   | Công Ty Cổ Phần Espace Business Huế | Tầng 2 – Tòa nhà Phong Phú Plaza, Khu Quy Hoạch - Đồng Đa- Hùng Vương- Bà Triệu, P. Phú Hội, TP. Huế, T. Thừa Thiên Huế, Việt Nam | 78/GCNATTP-SCT, cấp ngày 15/12/2022 tại T. Thừa Thiên Huế |



| Mã số | Tên                                                                | Địa chỉ                                                                                                                                            | Số giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP              |
|-------|--------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------|
| 115   | Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Espace Business Huế tại Đồng Nai         | Tầng 1 và 2 Trung tâm thương mại EB Tân Hiệp, số 1135, Nguyễn Ái Quốc, KP 2, P. Tân Hiệp, TP. Biên Hòa, T. Đồng Nai, Việt Nam                      | 03/GCNATTP-SCT, cấp ngày 28/02/2022 tại Tỉnh Đồng Nai   |
| 126   | Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Espace Business Huế tại Thành Phố Đà Lạt | Quảng trường Lâm Viên, góc đường Hồ Tùng Mậu và Trần Quốc Toản, P. 10, TP. Đà Lạt, T. Lâm Đồng, Việt Nam                                           | 22/GCNATTP-SCT, cấp ngày 30/11/2020 tại T. Lâm Đồng     |
| 129   | Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Espace Business Huế tại Bình Định        | Siêu thị GO! Quy Nhơn - Khu đô thị xanh Vũng Chua, P. Ghềnh Ráng, TP. Quy Nhơn, T. Bình Định, Việt Nam                                             | 06.23/GCNATTP-SCT, cấp ngày 16/06/2023 tại T. Bình Định |
| 130   | Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Espace Business Huế tại Nha Trang        | Trung tâm thương mại EB Nha Trang, lô số 4, đường 19/5, Khu đô thị Vĩnh Diễm Trung, X. Vĩnh Hiệp, TP. Nha Trang, T. Khánh Hòa, Việt Nam            | 93/GCNATTP-SCT, cấp ngày 09/11/2020 tại T. Khánh Hòa    |
| 141   | Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Espace Business Huế tại Buôn Ma Thuột    | Trung tâm thương mại Buôn Ma Thuột, góc đường Nguyễn Thị Định và đường Vành Đai phía Tây, P. Thành Nhất, Tp. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam | 09/GCNATTP-SCT, cấp ngày 22/03/2023 tại tỉnh Đắk Lắk    |

### III. Mẫu nhãn sản phẩm

Đính kèm nội dung nhãn dự thảo (Theo 43/2017/NĐ-CP Nghị định về Nhãn hàng hóa và 111/2021/NĐ-CP Nghị định về Sửa đổi, bổ sung một số điều nghị định số 43/2017/NĐ-CP nhãn hàng hóa).

### IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

- Chỉ tiêu độc tố vi nấm:** theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia số QCVN 8-1:2011/BYT về quy chuẩn quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm.

| Stt | Tên chỉ tiêu      | Đơn vị tính | Giới hạn cho phép |
|-----|-------------------|-------------|-------------------|
| 1   | Aflatoxin B1      | µg/kg       | 2,0               |
| 2   | Aflatoxin tổng số | µg/kg       | 4,0               |
| 3   | Ochratoxin A      | µg/kg       | 3,0               |
| 4   | Deoxynivalenol    | µg/kg       | 500               |
| 5   | Zearalenone       | µg/kg       | 50                |

- Chỉ tiêu kim loại nặng:** theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia số QCVN 8-2:2011/BYT về quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.



| Stt | Tên chỉ tiêu | Đơn vị tính | Giới hạn cho phép |
|-----|--------------|-------------|-------------------|
| 1   | Cadmi (Cd)   | mg/kg       | 0,1               |
| 2   | Chì (Pb)     | mg/kg       | 0,2               |

3. **Chỉ tiêu vi sinh vật:** theo quyết định số 46/2007/QĐ-BYT về quy định giới hạn tối đa ô nhiễm sinh học và hóa học trong thực phẩm

| Stt | Tên chỉ tiêu                    | Đơn vị tính | Giới hạn cho phép |
|-----|---------------------------------|-------------|-------------------|
| 1   | Tổng số vi sinh vật hiếu khí    | CFU/g       | $10^4$            |
| 2   | <i>Coliforms</i>                | CFU/g       | 10                |
| 3   | <i>E.coli</i>                   | MPN/g       | 3                 |
| 4   | <i>S. aureus</i>                | CFU/g       | 10                |
| 5   | <i>Cl.perfringens</i>           | CFU/g       | 10                |
| 6   | <i>B.cereus</i>                 | CFU/g       | 10                |
| 7   | Tổng số bào tử nấm men, nấm mốc | CFU/g       | $10^2$            |

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Ngày 21 tháng 09 năm 2023

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN**

(Ký tên, đóng dấu)



Phạm Thị Thu Trang



**ĐÍNH KÈM:****NỘI DUNG NHÃN DƯ THẢO****BÁNH TRUNG THU DỪA TRỨNG MUỐI****Thành phần:**

Nhân bánh: nhân bánh (cơm dừa, đường cát, mạch nha, dầu thực vật, bột mì, bột nếp, hương liệu tổng hợp (dừa, vani), chất bảo quản 202), trứng muối.

Vỏ bánh: bột mì, nước đường, chất chống oxy hóa 330, chất ổn định 501(i), dầu thực vật, lòng đỏ trứng gà, bơ đậu phộng, chất tạo xốp 550(ii).

Trong đó cơm dừa 36%; trứng muối 8%.

**Khối lượng tịnh:**

Dùng ngay sau khi mở bao bì. Bảo quản nơi khô ráo thoáng mát.

**Hạn sử dụng:****Ngày sản xuất:**

Thông tin dinh dưỡng. Thành phần dinh dưỡng trong 100 g: Giá trị năng lượng 413 kcal (21%); Chất đạm 5,3 g (8%); Carbohydrate 59,9 g (20%); Đường tổng số 34,7 g (69%); Chất béo 16,9 g (30%); Chất béo bão hoà 20 g (57%); Natri 1.080 mg (54%).

Kích cỡ một phần ăn: 50 g

*Cảnh báo: Không dùng cho người dị ứng với các thành phần của sản phẩm.*

Sản xuất tại: Công Ty Cổ Phần Espace Business Huế - Khu Quy Hoạch - Tầng 2 – Tòa nhà Phong Phú Plaza, Khu Quy Hoạch - Đồng Đa- Hùng Vương- Bà Triệu, P. Phú Hội, TP. Huế, T. Thừa Thiên Huế, Việt Nam

Số tự công bố: 011/EBHU/2023

**BÁNH TRUNG THU DỪA TRỨNG MUỐI****Thành phần:**

Nhân bánh: nhân bánh (cơm dừa, đường cát, mạch nha, dầu thực vật, bột mì, bột nếp, hương liệu tổng hợp (dừa, vani), chất bảo quản 202), trứng muối.

Vỏ bánh: bột mì, nước đường, chất chống oxy hóa 330, chất ổn định 501(i), dầu thực vật, lòng đỏ trứng gà, bơ đậu phộng, chất tạo xốp 550(ii).

Trong đó cơm dừa 36%; trứng muối 8%.

**Khối lượng tịnh:**

Dùng ngay sau khi mở bao bì. Bảo quản nơi khô ráo thoáng mát.

**Hạn sử dụng:****Ngày sản xuất:**

Thông tin dinh dưỡng. Thành phần dinh dưỡng trong 100 g: Giá trị năng lượng 413 kcal (21%); Chất đạm 5,3 g (8%); Carbohydrate 59,9 g (20%); Đường tổng số 34,7 g (69%); Chất béo 16,9 g (30%); Chất béo bão hoà 20 g (57%); Natri 1.080 mg (54%).

Kích cỡ một phần ăn: 50 g

*Cảnh báo: Không dùng cho người dị ứng với các thành phần của sản phẩm.*

Sản xuất tại: Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Espace Business Huế tại Đồng Nai - Tầng 1 và 2 Trung tâm thương mại EB Tân Hiệp, số 1135, Nguyễn Ái Quốc, KP 2, P. Tân Hiệp, TP. Biên Hòa, T. Đồng Nai, Việt Nam

Số tự công bố: 011/EBHU/2023



### BÁNH TRUNG THU DỪA TRỨNG MUỐI

**Thành phần:**

Nhân bánh: nhân bánh (com dừa, đường cát, mạch nha, dầu thực vật, bột mì, bột nếp, hương liệu tổng hợp (dừa, vani), chất bảo quản 202), trứng muối.

Vỏ bánh: bột mì, nước đường, chất chống oxy hóa 330, chất ổn định 501(i), dầu thực vật, lòng đỏ trứng gà, bơ đậu phộng, chất tạo xốp 550(ii).

Trong đó com dừa 36%; trứng muối 8%.

**Khối lượng tịnh:**

Dùng ngay sau khi mở bao bì. Bảo quản nơi khô ráo thoáng mát.

**Hạn sử dụng:**

**Ngày sản xuất:**

Thông tin dinh dưỡng. Thành phần dinh dưỡng trong 100 g: Giá trị năng lượng 413 kcal (21%); Chất đạm 5,3 g (8%); Carbohydrate 59,9 g (20%); Đường tổng số 34,7 g (69%); Chất béo 16,9 g (30%); Chất béo bão hoà 20 g (57%); Natri 1.080 mg (54%).

Kích cỡ một phần ăn: 50 g

*Cảnh báo: Không dùng cho người dị ứng với các thành phần của sản phẩm.*

Sản xuất tại: Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Espace Business Huế tại Thành Phố Đà Lạt - Quảng trường Lâm Viên, góc đường Hồ Tùng Mậu và Trần Quốc Toản, P. 10, TP. Đà Lạt, T. Lâm Đồng, Việt Nam

Số tự công bố: 011/EBHU/2023

### BÁNH TRUNG THU DỪA TRỨNG MUỐI

**Thành phần:**

Nhân bánh: nhân bánh (com dừa, đường cát, mạch nha, dầu thực vật, bột mì, bột nếp, hương liệu tổng hợp (dừa, vani), chất bảo quản 202), trứng muối.

Vỏ bánh: bột mì, nước đường, chất chống oxy hóa 330, chất ổn định 501(i), dầu thực vật, lòng đỏ trứng gà, bơ đậu phộng, chất tạo xốp 550(ii).

Trong đó com dừa 36%; trứng muối 8%.

**Khối lượng tịnh:**

Dùng ngay sau khi mở bao bì. Bảo quản nơi khô ráo thoáng mát.

**Hạn sử dụng:**

**Ngày sản xuất:**

Thông tin dinh dưỡng. Thành phần dinh dưỡng trong 100 g: Giá trị năng lượng 413 kcal (21%); Chất đạm 5,3 g (8%); Carbohydrate 59,9 g (20%); Đường tổng số 34,7 g (69%); Chất béo 16,9 g (30%); Chất béo bão hoà 20 g (57%); Natri 1.080 mg (54%).

Kích cỡ một phần ăn: 50 g

*Cảnh báo: Không dùng cho người dị ứng với các thành phần của sản phẩm.*

Sản xuất tại: Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Espace Business Huế tại Bình Định Siêu thị GO! Quy Nhơn - Khu đô thị xanh Vũng Chua, P. Ghềnh Ráng, TP. Quy Nhơn, T. Bình Định, Việt Nam

Số tự công bố: 011/EBHU/2023



### BÁNH TRUNG THU DỪA TRỨNG MUỐI

**Thành phần:**

Nhân bánh: nhân bánh (com dừa, đường cát, mạch nha, dầu thực vật, bột mì, bột nếp, hương liệu tổng hợp (dừa, vani), chất bảo quản 202), trứng muối.

Vỏ bánh: bột mì, nước đường, chất chống oxy hóa 330, chất ổn định 501(i), dầu thực vật, lòng đỏ trứng gà, bơ đậu phộng, chất tạo xốp 550(ii).

Trong đó com dừa 36%; trứng muối 8%.

**Khối lượng tịnh:**

Dùng ngay sau khi mở bao bì. Bảo quản nơi khô ráo thoáng mát.

**Hạn sử dụng:**

**Ngày sản xuất:**

Thông tin dinh dưỡng. Thành phần dinh dưỡng trong 100 g: Giá trị năng lượng 413 kcal (21%); Chất đạm 5,3 g (8%); Carbohydrate 59,9 g (20%); Đường tổng số 34,7 g (69%); Chất béo 16,9 g (30%); Chất béo bão hòa 20 g (57%); Natri 1.080 mg (54%).

Kích cỡ một phần ăn: 50 g

*Cảnh báo: Không dùng cho người dị ứng với các thành phần của sản phẩm.*

Sản xuất tại: Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Espace Business Huế tại Nha Trang - Trung tâm thương mại EB Nha Trang, lô số 4, đường 19/5, Khu đô thị Vĩnh Diễm Trung, X. Vĩnh Hiệp, TP. Nha Trang, T. Khánh Hòa, Việt Nam

Số tự công bố: 011/EBHU/2023

### BÁNH TRUNG THU DỪA TRỨNG MUỐI

**Thành phần:**

Nhân bánh: nhân bánh (com dừa, đường cát, mạch nha, dầu thực vật, bột mì, bột nếp, hương liệu tổng hợp (dừa, vani), chất bảo quản 202), trứng muối.

Vỏ bánh: bột mì, nước đường, chất chống oxy hóa 330, chất ổn định 501(i), dầu thực vật, lòng đỏ trứng gà, bơ đậu phộng, chất tạo xốp 550(ii).

Trong đó com dừa 36%; trứng muối 8%.

**Khối lượng tịnh:**

Dùng ngay sau khi mở bao bì. Bảo quản nơi khô ráo thoáng mát.

**Hạn sử dụng:**

**Ngày sản xuất:**

Thông tin dinh dưỡng. Thành phần dinh dưỡng trong 100 g: Giá trị năng lượng 413 kcal (21%); Chất đạm 5,3 g (8%); Carbohydrate 59,9 g (20%); Đường tổng số 34,7 g (69%); Chất béo 16,9 g (30%); Chất béo bão hòa 20 g (57%); Natri 1.080 mg (54%).

Kích cỡ một phần ăn: 50 g

*Cảnh báo: Không dùng cho người dị ứng với các thành phần của sản phẩm.*

Sản xuất tại: Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Espace Business Huế tại Buôn Ma Thuột - Trung tâm thương mại Buôn Ma Thuột, góc đường Nguyễn Thị Định và đường Vành Đai phía Tây, P. Thành Nhất, Tp. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam

Số tự công bố: 011/EBHU/2023





## KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã số mẫu : 743-2023-00070936  
Mã số kết quả : AR-23-VD-074786-01 / EUVNHC-00218250



## CÔNG TY CỔ PHẦN ESPACE BUSINESS HUẾ

Tầng 2 - Tòa nhà Phong Phú Plaza, Khu Quy Hoạch - Đồng Đa - Hùng Vương - Bà Triệu, phường Phú Hội, thành phố Huế  
tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam

Tên mẫu : BÁNH TRUNG THU DỪA TRỨNG MUỐI  
Tình trạng mẫu : Mẫu đựng trong túi nhựa  
Ngày nhận mẫu : 09/06/2023  
Thời gian thử nghiệm : 10/06/2023 - 16/06/2023  
Ngày hẹn trả kết quả khách hàng : 15/06/2023  
Mã số PO của khách hàng : NA9J2306091043  
Mã số mẫu Eol : 005-32410-212804



| STT | CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM                         | ĐƠN VỊ      | PHƯƠNG PHÁP THỬ                                                                  | KẾT QUẢ                        |
|-----|---------------------------------------------|-------------|----------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------|
| 1   | VD334 VD (a) <i>Clostridium perfringens</i> | cfu/ g      | TCVN 4991:2005 (ISO 7937:2004)                                                   | Không phát hiện<br>(LOD=10)    |
| 2   | VD340 VD (a) <i>Coliforms</i>               | cfu/ g      | TCVN 6848:2007 (ISO 4832:2006)                                                   | Không phát hiện<br>(LOD=10)    |
| 3   | VD354 VD (a) <i>Escherichia coli</i>        | MPN/ g      | TCVN 7924-3:2017 (ISO 16649-3:2015)                                              | Không phát hiện<br>(LOD=0)     |
| 4   | VD373 VD (a) <i>Staphylococcus aureus</i>   | cfu/ g      | AOAC 975.55                                                                      | Không phát hiện<br>(LOD=10)    |
| 5   | VD398 VD (a) <i>Bacillus cereus</i>         | cfu/ g      | AOAC 980.31                                                                      | Không phát hiện<br>(LOD=10)    |
| 6   | VD325 VD (a) Tổng số vi sinh vật hiếu khí   | cfu/ g      | TCVN 4884-1: 2015 (ISO 4833-1:2013)                                              | 3.8x10 <sup>2</sup>            |
| 7   | VD0GC VD Tổng số bào tử nấm men & nấm mốc   | cfu/ g      | TCVN 8275-2:2010 (ISO 21527-2:2008)                                              | Không phát hiện<br>(LOD=10)    |
| 8   | VD129 VD (a) Carbohydrates                  | g/ 100 g    | EVN-R-RD-2-TP-5237 (FAO Food and Nutrition paper 77 Chapter 2, section 2.3:2003) | 59.9                           |
| 9   | VD165 VD (a) Béo                            | g/ 100 g    | EVN-R-RD-2-TP-3498 (Ref. FAO Food 14/7-1986)                                     | 16.9                           |
| 10  | VD263 VD (a) Đạm                            | g/ 100 g    | TCVN 10034:2013 (ISO 1871:2009)                                                  | 5.31                           |
| 11  | VD304 VD (a) Đường tổng                     | g/ 100 g    | EVN-R-RD-2-TP-3482 (Ref. TCVN 4594:1988)                                         | 34.7                           |
| 12  | VD543 VD Năng lượng                         | kcal/ 100 g | FAO 2003 77                                                                      | 413                            |
| 13  | VD0BN VD (a) Acid béo bão hòa               | g/ 100 g    | EVN-R-RD-2-TP-5631 (Ref. ISO 12966-2:2017 & AOAC 996.06)                         | 11.3                           |
| 14  | VD279 VD (a) Natri (Na)                     | mg/ 100 g   | EVN-R-RD-2-TP-3500                                                               | 108                            |
| 15  | VD855 VD (a) Cadimi (Cd)                    | mg/ kg      | AOAC 2015.01                                                                     | Không phát hiện<br>(LOD=0.01)  |
| 16  | VD861 VD (a) Chì (Pb)                       | mg/ kg      | AOAC 2015.01                                                                     | Không phát hiện<br>(LOD=0.017) |

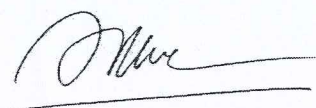


## KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

| STT | CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM                                 | ĐƠN VỊ | PHƯƠNG PHÁP THỬ                                                  | KẾT QUẢ                   |
|-----|-----------------------------------------------------|--------|------------------------------------------------------------------|---------------------------|
| 17  | VD063 VD (a) <b>Ochratoxin A</b>                    | µg/ kg | EVN-R-RD-1-TP-5627 (Ref. AOAC International 84.6 2001:1818-1827) | Không phát hiện (LOD=0.5) |
| 18  | VD066 VD (a) <b>Zearalenon</b>                      | µg/ kg | EVN-R-RD-1-TP-3452 (Ref. EN 15850:2010)                          | Không phát hiện (LOD=5)   |
| 19  | VD821 VD (a) <b>Aflatoxin B1</b>                    | µg/ kg | EVN-R-RD-1-TP-5060 (Ref. DIN EN 14123:2008-03)                   | Không phát hiện (LOD=0.5) |
| 20  | VD821 VD (a) <b>Aflatoxin tổng (B1, B2, G1, G2)</b> | µg/ kg | EVN-R-RD-1-TP-5060 (Ref. DIN EN 14123:2008-03)                   | Không phát hiện (LOD=0.5) |
| 21  | VD1LA VD (a) <b>Deoxynivalenol</b>                  | µg/ kg | EVN-R-RD-1-TP-5626 (Ref. BS EN 15791:2009)                       | Không phát hiện (LOD=100) |

LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp.

Ký tên



Nguyễn Anh Vũ  
Trưởng phòng thí nghiệm HCM



Lý Hoàng Hải  
Tổng Giám Đốc

Bản kết quả được xác nhận điện tử bởi Nguyễn Anh Vũ 11/07/2023, và được phê duyệt điện tử bởi Lý Hoàng Hải 11/07/2023.

### Ghi chú giải thích

Tất cả các thông tin trong bản kết quả này phải được sao chép đầy đủ; bản kết quả này chỉ có giá trị với mẫu thử do khách hàng cung cấp.  
 Các kết quả phân tích được thu thập và trình bày theo những điều khoản chung về cung cấp dịch vụ, các thông tin này được cung cấp theo yêu cầu của quý khách.  
 Mọi phép thử được nhận diện bằng một mã số nhận dạng bao gồm 5 chữ số, thông tin mô tả của các phép thử này sẽ được cung cấp khi quý khách có yêu cầu.  
 Các phương pháp bắt đầu với ký tự EVN; A39; N79; EHC là phương pháp nội bộ do PTN Eurofins Sac Ky Hai Dang xây dựng.  
 "VD": Các phép thử này được thực hiện tại phòng thí nghiệm Công ty TNHH Eurofins Sac Ky Hai Dang.(a) chú thích rằng các phép thử này được công nhận theo ISO/IEC 17025:2017 VILAS 238.